

Số: 2510 /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày 01 tháng 7 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH**

**V/v việc đính chính nội dung Quyết định số 1865/QĐ-UBND ngày 25/5/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi dự án đầu tư xây dựng công trình Đường giao thông từ bản Bá, xã Phú Xuân đi bản Vui, xã Thanh Xuân, huyện Quan Hóa (Chương trình 30a)**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Quyết định số 1865/QĐ-UBND ngày 25 tháng 5 năm 2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi dự án đầu tư xây dựng công trình Đường giao thông từ bản Bá, xã Phú Xuân đi bản Vui, xã Thanh Xuân, huyện Quan Hóa (Chương trình 30a).*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Công văn số 2574/SGTVT-TĐKHKT ngày 26 tháng 6 năm 2020 và của UBND huyện Quan Hóa tại công văn số 853/UBND-BQLDA ngày 19/6/2020.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Đính chính nội dung Quyết định số 1865/QĐ-UBND ngày 25 tháng 5 năm 2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa như sau:

1. Tại Điều 3, Quyết định có ghi:

**“Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Giao thông vận tải, Tài chính; Chủ tịch UBND huyện **Bá Thước**; Thủ trưởng các ngành, đơn vị liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.”

- Nay đính chính lại:

**“Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Giao thông vận tải, Tài chính; Chủ tịch UBND huyện **Quan Hóa**; Thủ trưởng các ngành, đơn vị liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.”

2. Đính chính nội dung Phụ biểu Tổng mức đầu tư kèm theo Quyết định số 1865/QĐ-UBND ngày 25 tháng 5 năm 2020: *nội dung chi tiết như Phụ biểu kèm theo Quyết định này.*

**Điều 2.** Các nội dung khác thực hiện theo Quyết định số 1865/QĐ-UBND ngày 25 tháng 5 năm 2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Giao thông vận tải, Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh Thanh Hóa; Chủ tịch UBND huyện Quan Hóa và Thủ trưởng các ngành, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3-QĐ;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để báo cáo);
- Lưu: VT, VX 30a97

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Phạm Đăng Quyền**

**PHỤ BIỂU: TỔNG MỨC ĐẦU TƯ**

**Dự án: Đường giao thông từ bản Bá, xã Phú Xuân đi bản Vui,  
xã Thanh Xuân, huyện Quan Hóa**

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2020 của Chủ tịch UBND tỉnh)*

Đơn vị: đồng

<b>TT</b>	<b>Hạng mục chi phí</b>	<b>Phương pháp xác định</b>	<b>Giá trị</b>
<b>I</b>	<b>Chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng</b>		<b>3.697.000.000</b>
<b>II</b>	<b>Chi phí xây dựng</b>		<b>31.462.740.000</b>
<b>III</b>	<b>Chi phí quản lý dự án</b>	2,415% x 28.602.490.909	<b>690.671.000</b>
<b>IV</b>	<b>Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng</b>		<b>3.591.259.000</b>
1	Khảo sát bước lập báo cáo NCKT	số 560/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND huyện Quan Hóa	917.616.714
2	Lập báo cáo nghiên cứu khả thi		176.450.174
3	Lập nhiệm vụ khảo sát bước báo cáo NCKT	số 233/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND tỉnh	26.339.000
4	Giám sát khảo sát bước lập báo cáo NCKT		32.501.000
5	Khảo sát bước lập thiết kế BVTC	tạm tính	595.000.000
6	Lập hồ sơ, cắm cọc GPMB		300.000.000
7	Lập thiết kế BVTC và dự toán	1,208% x1,1x 28.602.490.909	380.191.000
8	Giám sát khảo sát bước thiết kế BVTC	4,072% x1,1x 540.909.091	24.228.000
9	Lập nhiệm vụ khảo sát thiết kế BVTC	3,000% x1,1x 540.909.091	17.850.000
10	Thẩm tra thiết kế BVTC	0,137% x1,1x 28.602.490.909	43.183.000
11	Thẩm tra dự toán	0,132% x1,1x 28.602.490.909	41.429.000
12	Lập HSMT, đánh giá HSDT gói thầu XL	0,212% x1,1x 28.693.732.909	66.938.000
13	Lập HSMT, đánh giá HSDT các gói thầu Tư vấn đầu tư	0,578% x1,1x 3.040.298.989	19.340.000
14	Thẩm định HSMT, kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu XL	0,100% x 28.693.732.909	28.694.000
15	Thẩm định HSMT, kết quả lựa chọn nhà thầu các gói thầu Tư vấn đầu tư	0,100% x 3.040.298.989	3.040.000
16	Giám sát thi công xây dựng	2,601% x1,1x 28.602.490.909	818.459.000
17	Lập kế hoạch bảo vệ môi trường	tạm tính	100.000.000
<b>V</b>	<b>Chi phí khác</b>		<b>540.275.000</b>
1	Rà phá bom mìn (tạm tính)	13,6ha x 20triệu/ha	272.000.000
2	Bảo hiểm công trình	0,29% x1,1x 28.602.490.909	91.242.000
3	Thẩm định BCNCKT	0,0154% x 45.000.000.000	6.930.000
4	Thẩm định TKBVTC	0,0284% x 28.602.490.909	8.119.000
5	Thẩm định dự toán	0,0274% x 28.602.490.909	7.828.000
6	Kiểm tra của CQQLNN	tạm tính	20.000.000
7	Thẩm tra, phê duyệt quyết toán	0,298% x 45.000.000.000	134.156.000
<b>VI</b>	<b>Chi phí dự phòng</b>		<b>5.006.920.000</b>
1	Dự phòng khối lượng phát sinh	10,0% x I+II+III+IV+V	3.998.195.000
2	Dự phòng cho yếu tố trượt giá	2,52% x I+II+III+IV+V	1.008.725.000
	<b>Tổng mức đầu tư</b>	<b>I+II+III+IV+V+VI</b>	<b>44.988.865.000</b>